

NGỮ CẢNH

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Hiểu được khái niệm ngũ cảnh và các yếu tố tạo nên hoàn cảnh giao tiếp.*
- *Biết vận dụng kiến thức trên vào việc đọc - hiểu văn bản và làm văn.*

I – KHÁI QUÁT VỀ NGỮ CẢNH

Ngữ cảnh được hiểu một cách chung nhất là tất cả những gì có liên quan đến việc tạo lập và linh hội câu nói (hoặc câu văn). Ngữ cảnh gồm văn cảnh và hoàn cảnh giao tiếp.

1. Văn cảnh là những *từ, ngữ, câu* đi trước hoặc đi sau một đơn vị ngôn ngữ nhất định.

2. Hoàn cảnh giao tiếp : Trước hết, đó là *hoàn cảnh giao tiếp hẹp*, tức cuộc giao tiếp diễn ra ở đâu, bao giờ, các bên tham gia giao tiếp gồm những ai.

Nói đến các bên tham gia giao tiếp như là những yếu tố của hoàn cảnh giao tiếp, người ta không chỉ nói đến anh A, chị B, mà còn tính đến cả quan hệ giữa họ, trạng thái tâm lí và trạng thái hiểu biết của họ, chủ đề và mục đích giao tiếp của họ, kênh giao tiếp mà họ sử dụng, v.v.

Khi xét hoàn cảnh giao tiếp, người ta đặc biệt chú trọng đến quan hệ giữa các bên giao tiếp, bởi vì quan hệ này chi phối mạnh mẽ việc lựa chọn từ ngữ và cách diễn đạt trong giao tiếp.

Theo lí thuyết giao tiếp, các mối quan hệ giữa các nhân vật giao tiếp được quy về hai kiểu chính : quan hệ thân sơ và quan hệ vị thế.

Quan hệ thân sơ là quan hệ gần gũi hay xa cách giữa các bên tham gia giao tiếp. Giao tiếp trong gia đình hay giao tiếp giữa bạn bè là giao tiếp gần gũi. Nhưng giao tiếp giữa các đối tác trong giao dịch thường là giao tiếp có khoảng cách. Gặp bạn cũ, ta có thể vồn vã hỏi han nhưng gặp một người lạ, ta phải giữ ý tứ, giữ khoảng cách trong trò chuyện.

Quan hệ vị thế là quan hệ được xác lập dựa trên địa vị xã hội hay tuổi tác của các bên giao tiếp. Những người có chức quyền, có địa vị xã hội, những người lớn tuổi thường được coi là người bê trên. Khi giao tiếp với người bê trên, người bê dưới phải chọn cách nói lễ phép, lịch sự. Chẳng hạn, trong giao tiếp của người Việt, trẻ con phải biết cách thưa gửi, không được nói "trống không" với người lớn. Còn trong trường hợp có quan hệ ngang vai (chẳng hạn, cùng địa vị xã hội, cùng tuổi,...), các bên giao tiếp có thể thoải mái hơn trong cách lựa chọn từ xưng hô, có thể nói "trống không" hoặc có thể sử dụng những từ ngữ mang màu sắc thân mật, suông sã...

Hoàn cảnh giao tiếp còn được hiểu rộng hơn, như là *bối cảnh văn hoá, xã hội, chính trị,...* của cuộc giao tiếp. Ví dụ, giao tiếp của hai chị em Liên trong truyện *Hai đứa trẻ* của Thạch Lam diễn ra trong bối cảnh Việt Nam là thuộc địa của thực dân Pháp, cuộc sống của đại đa số người lao động là nghèo khổ, tăm tối, lay lắt.

LUYỆN TẬP

1. Hãy chỉ ra những yếu tố làm nên ngữ cảnh của cuộc giao tiếp giữa các nhân vật trong đoạn trích *Đống Mẫu* (tuồng *Sơn Hậu*).
2. Nhà văn giao tiếp với người đọc qua tác phẩm của mình. Hãy chỉ ra những nhân tố thuộc về ngữ cảnh của cuộc giao tiếp này và cho biết ngữ cảnh của cuộc giao tiếp "nhà văn – độc giả" có gì khác so với ngữ cảnh của những cuộc giao tiếp thường ngày.
3. Tại sao khi tìm hiểu một tác phẩm cụ thể (ví dụ : bài *Văn nghĩa sĩ Cân Giuộc* của Nguyễn Đình Chiểu, bài *Chiếu câu hiền* của Ngô Thì Nhậm,...), người ta thường tìm hiểu tiểu sử của tác giả và hoàn cảnh ra đời của tác phẩm ?
4. Đọc đoạn trích *Cha tôi* (Đặng Huy Trú) và cho biết tại sao trong lời nói của các nhân vật có lúc dùng các từ ngữ trang trọng như "tiên sinh", "thân phụ", "thiên tử", "vị tân khoa", "bậc đỗ đại khoa", lại cũng có lúc dùng những từ ngữ thân mật như "con tôi", "hắn", "nhà ta",...